

**Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

**CÔNG TY TNHH NN MTV
LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG
MSDN 3300100201**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 117...../BC-CTLNTP

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 3 năm 2024

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ của UBND tỉnh, của các Sở, ngành liên quan trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, kế hoạch tài chính, quỹ tiền lương.

- Đại dịch COVID-19 được kiểm soát, nền kinh tế được mở cửa, sản xuất dần phục hồi đã có tác động tích cực đến hoạt động SXKD nói chung và Công ty nói riêng.

2. Khó khăn

- Sản lượng và chất lượng gỗ khai thác năm 2023 từ rừng trồng kinh tế của Công ty suy giảm do rừng trồng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai (các cơn bão, lụt, hạn hán từ năm 2019 đến năm 2023), ảnh hưởng đến khả năng phục hồi của cây rừng; cây bị gãy, đổ, chất lượng gỗ giảm.

- Thị trường thu mua gỗ nguyên liệu toàn cầu giảm do ảnh hưởng của tình hình kinh tế, chính trị trong năm 2023 và dự báo sẽ còn tiếp tục trong thời gian tới, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tình hình SXKD cây giống (cây mô, cây hom thành phẩm) của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn khi việc khai thác gỗ rừng trồng giảm do nhu cầu khai thác giảm (đã khai thác nhiều vào năm 2022 khi giá nguyên liệu gỗ tăng), nhu cầu tiêu thụ gỗ và giá gỗ giảm, biến động liên tục.

- Giá cả, chi phí đầu vào như tiền lương, các khoản trích theo lương, giá điện, giá vật tư,... liên tục điều chỉnh tăng qua các năm.

- Kinh phí giao Công ty thực hiện nhiệm vụ công ích, đặt hàng quản lý, bảo vệ diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ hàng năm chưa đảm bảo theo thực tế để thực hiện nhiệm vụ, Công ty phải cân đối từ hoạt động SXKD của Công ty để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

- Sự suy giảm chung của kinh tế thế giới, lạm phát ở một số quốc gia tác động đến tình hình chung của nền kinh tế từ đó ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.



BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu			
1.1	Khai thác rừng trồng kinh tế	Ha	210,0	205,0
1.2	Trồng rừng	Ha	220,0	246,8
1.3	Chăm sóc rừng trồng	Ha	789,4	889,6
1.4	Cây giống lâm nghiệp	Tr.Cây	9,3	13,1
	<i>Cây keo hom</i>	<i>Tr.Cây</i>	2,0	2,0
	<i>Cây keo mô</i>	<i>Tr.Cây</i>	0,3	0,7
	<i>Cây mām keo lai, bạch đàn mô</i>	<i>Tr.Cây</i>	7	10,4
1.5	Sản xuất kinh doanh hoa và các loại cây khác, dịch vụ giống,...	Ng.cây	240,0	326,1
	<i>Lan các loại</i>	Ng.cây	10,0	21,0
	<i>Cây bản địa, Tràm gió, Ba kích,...</i>	Ng.cây	230,0	305,1
	<i>Cây ăn quả</i>	Ng.cây	-	-
1.6	Quản lý và bảo vệ rừng (rừng phòng hộ, đặc dụng,...)	Ha	4.799,6	4.799,6
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích	Ha	1.904,0	1.792,3
	Bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng	Ha	1.904,0	1.792,3
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	38.700,0	39.788,9
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	11.980,4	12.224,7
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	10.411,6	10.485,7
6	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Tr.đồng	4.607,8	4.840,0
	Trong đó: Thuế TNDN	Tr.đồng	1.568,8	1.739,0
7	Tổng vốn đầu tư	Tr.đồng	12.694,1	6.809,31
	Trồng rừng	Tr.đồng	4.767,5	2.980,16
	Chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng	Tr.đồng	6.426,6	2.398,40
	Cơ sở nuôi cấy mô	Tr.đồng	500,0	0
	Cơ sở vật chất khác (MMTB; vườn ươm, duy trì, đánh giá chứng chỉ FSC, đường lâm sinh, chòi canh lửa,...)	Tr.đồng	1.000,0	1.430,75

3. Đánh giá chung

3.1. Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu

3.1.1. Khai thác rừng trồng kinh tế:

- Trong năm, Công ty lập hồ sơ thiết kế, khai thác 205,02 ha, giảm 4,98 ha so với kế hoạch, tương ứng giảm 2,4%, việc khai thác rừng đảm bảo theo quy định, đảm bảo mục tiêu kinh doanh rừng theo Phương án quản lý rừng bền vững đã được

UBND tỉnh phê duyệt. Việc khai thác rừng giảm so với kế hoạch tiết kiệm được tài nguyên rừng, kéo dài thời gian kinh doanh rừng sẽ có giá trị hơn.

3.1.2. Trồng rừng: Diện tích trồng rừng trong năm 2023 đạt 246,8 ha, tăng 26,8 ha, tương ứng tăng 12,2% so với kế hoạch.

Nguyên nhân là do diện tích trên khai thác gần cuối năm 2022, gặp thời tiết bất lợi, mưa kéo dài nên công tác chuẩn bị hiện trường và trồng rừng trong năm 2022 không kịp để đảm bảo chất lượng trồng rừng, do đó phải kéo dài sang vụ Xuân năm 2023 và quyết toán tài chính trong năm 2023.

3.1.3. Chăm sóc rừng trồng: Thực hiện chăm sóc, nâng cao chất lượng 889,6 ha rừng, tăng 100,2 ha, tương ứng tăng 12,7% so với kế hoạch do Công ty đầu tư chăm sóc thêm một số diện tích rừng đã hết thời kỳ chăm sóc nhưng chất lượng rừng thấp, bị sâu bệnh,... cần tiếp tục chăm sóc đảm bảo cây sinh trưởng, phát triển.

3.1.4. Cây giống lâm nghiệp:

Công tác sản xuất cây giống năm 2023 vượt kế hoạch đề ra, đạt 13,15 triệu cây (bao gồm cây sản xuất phục vụ trồng rừng Công ty), tăng 3,85 triệu cây, tương ứng tăng 41,4% so với kế hoạch. Nguyên nhân do Công ty sản xuất tăng thêm số lượng cây giống để cung cấp cho các đơn đặt hàng đột xuất cuối năm 2023.

3.1.5. Sản xuất kinh doanh hoa và các loại cây khác, dịch vụ giống,...: đạt 326,1 ngàn cây, cao hơn so với kế hoạch năm 2023, nguyên nhân chủ yếu là sản xuất bao gồm 200 ngàn cây Tràm gió, Ba kích tím thực hiện Dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh "Xây dựng mô hình trồng và chăm sóc cây Ba kích tím, cây Tràm gió in-vitro phục vụ phát triển vùng nguyên liệu dược liệu tỉnh Thừa Thiên Huế".

3.1.6. Quản lý và bảo vệ rừng (rừng phòng hộ, đặc dụng,...): Công ty tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ tốt diện tích 4.799,6 ha.

3.2. Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích: Thực hiện quản lý, bảo vệ 1.792,3 ha rừng.

3.3. Tổng doanh thu: Doanh thu năm 2023 đạt 39.788 triệu đồng, tăng 2,81% so với kế hoạch 2023.

3.4. Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận trước thuế đạt 12.224,7 triệu đồng, tăng 2%; Lợi nhuận sau thuế đạt 10.485 triệu đồng, tăng 1% so với kế hoạch năm 2023.

3.5. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: 4.840,0 triệu đồng, thực hiện theo đúng quy định, chính sách thuế.

3.6 Tổng vốn đầu tư: đạt 6.809,3 triệu đồng, giảm so với kế hoạch được phê duyệt, nguyên nhân chủ yếu:

- Công ty chưa được phê duyệt phương án bổ sung vốn điều lệ nên Công ty chưa thực hiện đầu tư theo kế hoạch để duy trì nguồn vốn hoạt động sau này.



- Giá phân bón tăng, mùa vụ trồng rừng, điều kiện thời tiết trong năm ảnh hưởng đến công tác thi công nên Công ty chưa tiến hành bón phân trong trồng rừng và chăm sóc rừng.

- Công tác trồng rừng, chăm sóc rừng có nhiều khâu, nhiều công đoạn Công ty tổ chức thực hiện giảm được nhiều chi phí so với dự toán; nhiều khâu, nhiều công đoạn triển khai đồng thời với hoạt động sản xuất khai thác (luồng phát thực bì trong khai thác rừng) nên giảm chi phí đầu tư trong trồng rừng (phát thực bì); giảm bớt khâu/biện pháp thực hiện so với kế hoạch (phát thực bì chăm sóc rừng 01 lần/02 lần so với kế hoạch) do phương án bổ sung vốn điều lệ chưa được chấp thuận phê duyệt nhưng vẫn đảm bảo chất lượng rừng trồng.

- Việc xây dựng dự toán đầu tư các công trình lâm sinh căn cứ theo Quyết định số 38/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng (trồng rừng là khoảng 21 triệu đồng/ha; chăm sóc rừng là 8,1 triệu đồng/ha), trong lúc đó Công ty tổ chức thực hiện theo thực tế tiết kiệm hơn nhiều so với dự toán (thực tế thực hiện năm 2023, trồng rừng 12,1 triệu đồng/ha; chăm sóc rừng 2,7 triệu đồng/ha).

- Công ty chỉ thực hiện đầu tư vừa đủ vào các hạ tầng lâm sinh, cơ sở vật chất vườn ươm, máy móc thiết bị,... cần thiết để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh do dự báo khả năng tiêu thụ chưa nhiều và sản xuất kinh doanh cây giống còn gặp khó khăn trong thời gian tới.

- Chi phí quản lý, bảo vệ rừng trồng được tính trong dự toán đầu tư trồng rừng nhưng Công ty quyết toán (khoản đầu tư này) vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh (tiền lương) nên giảm vốn đầu tư trong trồng rừng.

- Cơ sở nuôi cấy mô cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh nên không thực hiện đầu tư thêm nhằm tiết kiệm chi phí.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác Vốn góp của NLĐ (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Doanh nghiệp không đầu tư các dự án nhóm B							

2. Các khoản đầu tư tài chính: Không.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% VĐL

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
Doanh nghiệp không có công ty con										

Nơi nhận:

- Cổng thông tin doanh nghiệp - Bộ KH & ĐT;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh TT Huế;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Trần Chất Ai Tín

